

<p><b>Cách tiến hành:</b></p> <p><b>Bước 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV yêu cầu HS kể tên một số vật nóng và vật lạnh thường gặp hằng ngày</li></ul> <p><b>Bước 2:</b>GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi trang 100.</p> <p><b>Bước 3:</b>-GV cho HS biết người ta dùng khái niệm nhiệt độ để diễn tả mức độ nóng, lạnh của các vật. GV đề nghị HS tìm và nêu các ví dụ về các vật có nhiệt độ bằng nhau; vật này có nhiệt độ cao hơn vật kia; vật có nhiệt độ cao nhất trong các vật...</p> <p><b>Hoạt động 2: Thực hành sử dụng nhiệt kế</b></p> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <p><b>Bước 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV giới thiệu cho HS 2 loại nhiệt kế (đo nhiệt độ cơ thể, đo nhiệt độ không khí). GV mô tả sơ lược cấu tạo nhiệt kế và hướng dẫn cách đọc nhiệt kế.</li><li>-Gọi một vài HS lên thực hành đọc nhiệt kế</li></ul> <p><b>Bước 2:</b></p> <p>Kết luận của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Mục <i>Bạn cần biết</i></li></ul> <p><b>C.Củng cố – dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS.</li><li>- Chuẩn bị bài: Nóng, lạnh và nhiệt độ (TT).</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS làm việc cá nhân rồi trình bày trước lớp.</li></ul> <p>Một vài HS trình bày.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>-HS lắng nghe</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>-HS lắng nghe và quan sát 2 loại nhiệt kế.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>-1vài HS lên thực hành đọc nhiệt kế. Khi đọc, cần nhìn mức chất lỏng trong ống theo phương vuông góc với ống nhiệt kế.</li><li>- HS thực hành đo nhiệt độ: sử dụng nhiệt kế (dùng loại nhiệt kế thí nghiệm có thể đo nhiệt độ tới <math>100^{\circ}\text{C}</math>) đo nhiệt độ của các cốc nước; sử dụng nhiệt kế y tế để đo nhiệt độ cơ thể.</li><li>- 2- 4HS nhắc lại.</li></ul>
---	--

**BUỔI 2**  
**Toán**  
**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

- Ôn tập phép cộng, trừ, nhân phân số

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

**1. Hướng dẫn ôn tập:**

**\* Bài 1:**

$$\begin{array}{r}
 > \quad 3 \dots 5 & \quad 5 \dots 7 & \quad 13 \dots 17 & \quad 23 \dots 45 & \quad 6 \dots 6 \\
 < ? \quad - & & & & \\
 = \quad 4 & \quad 4 & \quad 6 & \quad 8 & \quad 14 & \quad 19 & \quad 22 & \quad 46 & \quad 12 & \quad 17
 \end{array}$$

**\* Bài 2: Tính:**

$$\begin{array}{cccccccc}
 5 + 7 & ; & 6 - 5 & ; & 3 + 7 & ; & 5 \times 4 & ; & 7 - 2 \\
 3 & 6 & 9 & 18 & 5 & 5 & 3 & 6 & 12 & 12
 \end{array}$$

**\* Bài 3:** Viết các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

$$\begin{array}{cccc}
 3 & ; & 2 & ; & 6 & ; & 11 \\
 5 & 1 & 3 & 5
 \end{array}$$

**\* Bài 4: Tìm x:**

$$\begin{array}{l}
 \text{a) } x + 4 = 6 \\
 \quad \quad 25 \quad 5 \\
 \text{b) } x - 8 = 4 \\
 \quad \quad \quad 6 \quad 12
 \end{array}$$

**2. Củng cố - dặn dò:**

- GV NX tiết học.

---

### Lịch sử

#### TRINH- NGUYỄN PHÂN TRANH

I. MỤC TIÊU:

- Biết được một vài sự kiện về sự chia cắt đất nước, tình hình kinh tế sa sút.
- Dùng lược đồ Việt Nam chỉ ra ranh giới chia cắt Đàng Ngoài- Đàng Trong.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:- Bản đồ Việt Nam thế kỉ XVI – XVII

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

<p><b>A.Kiểm tra bài cũ</b> 3 HS nhắc bài nội dung tiết trước</p> <p><b>B.Bài mới: 1.Giới thiệu:</b> <b>2. Nội dung:</b> <b>Hoạt động1: Hoạt động cả lớp</b> - Suy sụp của triều Hậu Lê: - GV mô tả sự suy sụp của triều nhà Lê từ đầu thế kỉ XVI.  GV giới thiệu nhân vật lịch sử Mạc Đăng Dung và sự phân chia Nam triều và Bắc triều.</p>	<p>- HS thực hiện - Lắng nghe.</p> <p>- HS đọc đoạn: “Năm 1527... khoảng 60 năm”. - Vua bày trò ăn chơi xa xỉ suốt ngày đêm. - Bắt nhân dân xây thêm nhiều cung điện.</p>
--	---

<p>- GV yêu cầu HS trình bày quá trình hình thành Nam triều và Bắc triều trên bản đồ.</p> <p>- GV kết luận:</p> <p><b>Hoạt động 2: Hoạt động nhóm</b></p> <p>- Nhà Mạc ra đời và phân chia Nam- Bắc Triều:</p> <p>- Mạc Đăng Dung là ai?</p> <p>- Nhà Mạc ra đời như thế nào ? Triều đình nhà Mạc sử cũ gọi là gì ?</p> <p>- Nam Triều là triều đình của dòng họ phong kiến nào? Ra đời như thế nào?</p> <p>- Vì sao chiến tranh Nam-Bắc Triều?</p> <p>- Chiến tranh Nam –Bắc Triều kéo dài bao nhiêu năm, kết quả như thế nào?</p> <p>*GV kết luận:</p> <p><b>Hoạt động 3: Làm việc nhóm đôi</b></p> <p>- Chiến tranh Trịnh –Nguyễn:</p> <p>- Chiến tranh Nam triều và Bắc triều, cũng như chiến tranh Trịnh – Nguyễn diễn ra vì mục đích gì?</p> <p>- Trình bày diễn biến chính của chiến tranh Trịnh-Nguyễn ?</p> <p>- Nêu kết quả chiến tranh Trịnh-Nguyễn ?</p> <p>-Cuộc chiến tranh này đã gây ra những hậu quả gì?</p> <p>Học sinh đọc lại bài học.</p>	<p>- HS trình bày quá trình hình thành Nam triều và Bắc triều trên bản đồ.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4</p> <p>- Đại diện nhóm lên báo cáo</p> <p>- HS nhận xét, bổ sung ý kiến</p> <p>+ Mạc Đăng Dung là quan võ dưới triều nhà Hậu Lê.</p> <p>+ HSTL</p> <p>+ Nam Triều là triều đình họ Lê, năm 1533 quan võ họ Lê là Nguyễn Kim dòng dõi nhà Lê lên ngôi, lập triều đình riêng ở Thanh Hóa.</p> <p>+ Vì tranh giành quyền lực với nhau gây chiến tranh Nam-Bắc Triều.</p> <p>+ Kéo dài 50 năm đến năm 1592 khi Nam triều chiếm được Thăng Long chiến tranh mới kết thúc.</p> <p>-Vì quyền lợi ích kỉ của dòng họ, các dòng họ cầm quyền đã đánh giết lẫn nhau.</p> <p>- Trong khoảng 50 năm, hai họ Trịnh –Nguyễn đánh nhau 7 lần, vùng đất miền Trung trở thành chiến trường ác liệt.</p> <p>- 2 họ lấy sông Gianh làm ranh giới chia cắt đất nước. Đàng ngoài sông Gianh trở ra. Đàng Trong từ sông Gianh trở vào làm đất nước chia cắt hơn hai trăm năm.</p> <p>- Nhân dân lao động cực khổ, đất nước bị chia cắt.</p> <p>+ Bài học: SGK</p>
--	---

<b>C. Củng cố- dặn dò:</b> - Vì sao nói chiến tranh Nam triều, Bắc triều và Trịnh –Nguyễn là phi nghĩa? - Chuẩn bị bài: Cuộc khẩn hoang ở Đàng Trong. - GV nhận xét.	- Nhằm tranh giành ngai vàng của các thế lực phong kiến.
---	--

---

**Tự học**  
**TỰ HỌC TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU:**

- Biết cách xác định chue ngữ trong câu kể Ai là gì?
- Biết cách đặt câu kể Ai là gì?

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Sách BTTV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**1. Hướng dẫn tự học:**

\* **Bài tập 1:** Đọc các câu văn sau xác định các câu kể Ai là gì trong đoạn văn và gạch chân dưới bộ phận chủ ngữ

- Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

**Hồ Chí Minh**

- Vừa buồn mà lại vừa vui mới thực là nỗi niềm bông phượng. Hoa phượng là hoa học trò.

**Xuân Diệu**

\* **Bài tập 2:** Chọn từ ngữ thích hợp ở cột A ghép với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu kể Ai là gì?

**A**

**B**

Bạn Lan	là tương lai cả đất nước
Người	là người mẹ thứ hai của em
Cô giáo	là người Hà Nội
Trẻ em	là vốn quý nhất

\* **Bài tập 3:** Đặt câu kể Ai là gì? Với các từ ngữ sau làm chủ ngữ:

- Bạn Bích Vân
- Hà Nội
- Dân tộc ta

**2. Củng cố - dặn dò:**

- GV NX tiết học
-

- Dặn HS về nhà ôn tập lại kiểu câu kể Ai là gì?

2017

Ngày ... tháng ... năm

Ký duyệt  
P.Hiệu trưởng

Trần Thị Bình

Toán  
TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

I.MỤC TIÊU:

- Biết cách giải bài toán dạng : Tìm phân số của một số.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:- Ghi sẵn BT vào bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

<p><b>A.Kiểm tra bài cũ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV kiểm tra lại VBT ở nhà của các em.</li><li>- GV nhận xét.</li></ul> <p><b>B.Bài mới:</b></p> <p><b>1.Giới thiệu:</b></p> <p><b>2. Nội dung:</b></p> <p><b>a.Nhắc lại bài toán tìm một phần mấy của một số:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV đọc đề bài: <math>\frac{1}{3}</math> của 12 quả cam là mấy quả cam?</li><li>- GV yêu cầu HS đọc đề bài.</li><li>- GV đưa giấy khổ to vẽ sẵn hình, yêu cầu HS quan sát và hoạt động nhóm tự để tìm cách giải bài toán.</li></ul>	<p>C1 <math>(\frac{1}{2} + \frac{1}{3})x \frac{2}{5} = \frac{5}{6}x \frac{2}{5} = \frac{10}{30} = \frac{1}{3}</math></p> <p>C2:</p> <p><math>(\frac{1}{2} + \frac{1}{3})x \frac{2}{5} = \frac{1}{2}x \frac{2}{5} + \frac{1}{3}x \frac{2}{5} = \frac{1}{5} + \frac{2}{15} = \frac{5}{15} = \frac{1}{3}</math></p> <p>- Cả lớp tính nhẩm. Một HS nêu cách tính.</p> <p>- 1HS đọc đề bài.</p> <p>- HS quan sát và hoạt động nhóm để tìm cách giải. Một cách tự nhiên, HS sẽ thấy <math>\frac{1}{3}</math> số quả cam nhân với 2 thì được <math>\frac{2}{3}</math> số cam. Từ đó suy ra lời giải bài toán.</p>
---	--

<p>+ Gv cho học sinh nhắc lại quy tắc</p> <p><b>b. Thực hành</b></p> <p><b>Bài 1:</b> HS đọc yêu cầu. GV gọi HS làm BT.</p> <p><b>Bài 2:</b> GV yêu cầu học sinh đọc đề bài và hướng dẫn học sinh làm. - GV mời 2 học sinh lên giải. - GV nhận xét cho điểm.</p> <p><b>Bài 3:</b> GV yêu cầu học sinh đọc đề bài và hướng dẫn học sinh làm bài tập. - GV mời 1 học sinh lên bảng giải.</p> <p><b>C. Củng cố - Dặn dò:</b> - HS nhắc lại quy tắc. - Về nhà xem lại bài và làm VBT. - Chuẩn bị bài: Phép chia phân số.</p>	<p>- HS nhắc lại cách giải bài toán: Để tìm <math>\frac{2}{3}</math> của số 12 ta làm như sau: <math>(12 : 3) \times 2 = 8</math> hoặc: <math>(12 : 3) \times 2 = 12 \times \frac{2}{3} = 8</math> Quy tắc: Muốn tìm <math>\frac{2}{3}</math> của số 12 ta lấy 12 nhân với <math>\frac{2}{3}</math>.</p> <p>- 1HS đọc yêu cầu của đề bài. - HS thực hiện.</p> <p style="text-align: center;"><u>Giải</u></p> <p><math>\frac{3}{5}</math> Số học sinh xếp loại khá là: <math>35 \times \frac{3}{5} = 21</math> ( học sinh) Đáp số: 21 học sinh khá</p> <p>- 1HS đọc yêu cầu của đề bài. - HS thực hiện.</p> <p style="text-align: center;"><u>Giải</u></p> <p>Chiều rộng sân trường là: <math>120 \times \frac{5}{6} = 100(m)</math> Đáp số: 100 m.</p> <p>- HS lên bảng làm.</p> <p style="text-align: center;"><u>Giải</u></p> <p>Lớp 4A có số học sinh nữ là: <math>16 \times \frac{9}{8} = 18</math> ( học sinh) Đáp số: 18 học sinh</p> <p>- 2HS nêu lại.</p>
--	---

**Luyện từ và câu**  
**MỞ RỘNG VỐN TỪ: DỮNG CẢM**

**I.MỤC TIÊU:**

- Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm Dũng cảm qua việc tìm từ cùng nghĩa, việc ghép từ (BT1,BT2); hiểu nghĩa một vài từ theo chủ điểm (BT3); điền qua việc điền từ vào chỗ trống trong đoạn văn (BT4).

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:-** 3 băng giấy viết các từ ngữ ở BT1.

- Bảng phụ viết sẵn 11 từ ngữ ở BT2 (mỗi từ viết 1 dòng).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

<p><b>A.Kiểm tra bài cũ:</b></p> <p>- GV kiểm tra 2 HS.</p> <p>- GV nhận xét</p> <p><b>B. Bài mới: 1.Giới thiệu bài</b></p> <p><b>2. Nội dung:</b></p> <p><b><u>Bài tập 1:</u></b></p> <p>-GV dán 3 băng giấy viết các từ ngữ ở BT1, mời 3 HS lên bảng gạch dưới các từ ngữ cùng nghĩa với từ <i>dũng cảm</i>; chốt lại lời giải đúng:</p> <p>- Dũng cảm có nghĩa là gì ?</p> <p><b><u>Bài tập 2:</u></b></p> <p>- Mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- GV gợi ý: Các em cần ghép thử từ <i>dũng cảm</i> vào trước hoặc sau mỗi từ ngữ cho trước, sao cho tạo ra được tập hợp từ có nội dung thích hợp.</p> <p>- GV mời 1 HS lên bảng đánh dấu x (thay cho từ <i>dũng cảm</i>) – vào trước hay sau từng từ ngữ cho sẵn trên bảng phụ.</p> <p>- GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng.</p> <p><b><u>Bài tập 3:</u></b></p> <p>-GV: Các em hãy thử ghép lần lượt từng từ ngữ ở cột A với các lời giải nghĩa ở cột B sao cho tạo ra được nghĩa đúng với từ. Để</p>	<p>- 1 HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ ở tiết LTVC trước, 1 HS nêu ví dụ về 1 câu kể <i>Ai là gì?</i>, xác định bộ phận CN trong câu.</p> <p>- Cả lớp nhận xét.</p> <p>- 1HS đọc yêu cầu của bài tập, suy nghĩ, làm bài.</p> <p>- HS phát biểu ý kiến.</p> <p>- 3 HS lên bảng gạch dưới các từ ngữ cùng nghĩa với từ <i>Dũng cảm</i></p> <p>- Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng.</p> <p>- HSTL</p> <p>- 1HS đọc yêu cầu của bài tập.</p> <p>- HS suy nghĩ, làm bài, tiếp nối nhau đọc kết quả.</p> <p>- 1 HS lên bảng đánh dấu x (thay cho từ <i>dũng cảm</i>) – vào trước hay sau từng từ ngữ cho sẵn trên bảng phụ.</p> <p>- Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng.</p> <p>- 1HS đọc yêu cầu của bài tập (đọc hết các từ ở cột A mới đến các lời giải nghĩa ở cột B).</p>
--	--